

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hòa Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 17**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức
phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của
Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số
973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc
hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số 110/TTr-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc Ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí và
định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương trên địa bàn
tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân
sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; Ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng
nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định các nguyên tắc, tiêu
chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn
2021-2025 tỉnh Hòa Bình.

(Có Quy định chi tiết đính kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này; báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình Khóa XVI, Kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 11 tháng 11 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 11 năm 2020./

Nơi nhận:

- UBTW Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Bộ KH&ĐT, Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh (CT, PCT);
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, TP;
- LĐ Văn phòng HĐND tỉnh;
- TT tin học và Công báo VP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH.



Bùi Đức Hình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hòa Bình
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 310/2020/NQ-HĐND
ngày 11/11/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hòa Bình.

2. Đối tượng áp dụng

2.1. Các Sở, Ban, Ngành và UBND các huyện, thành phố (cấp huyện) được cơ quan có thẩm quyền giao kế hoạch đầu tư công trong giai đoạn 2021-2025.

2.2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc liên quan đến việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025

Vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương được bố trí cho các đối tượng được quy định tại Điều 5 của Luật Đầu tư công và được phân theo ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 38 của Luật Ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

1. Quốc phòng: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực phục vụ mục tiêu quốc phòng, cơ yếu, ứng phó với sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của đơn vị chuyên môn tại địa phương.

2. An ninh và trật tự, an toàn xã hội: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực phục vụ mục tiêu an ninh và trật tự, an toàn xã hội, phòng cháy, chữa cháy, điều tra phòng, chống tội phạm, thi hành án hình sự, ứng phó với sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của các cơ quan chuyên môn tại địa phương.

3. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ mục tiêu giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp thuộc các cấp học từ mầm non đến Cao đẳng.

4. Khoa học, công nghệ: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ phục vụ mục tiêu

phát triển khoa học, công nghệ, thí nghiệm, thực nghiệm, phân tích, kiểm định, kiểm nghiệm, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, sở hữu trí tuệ, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, hỗ trợ phát triển công nghiệp, khu nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ứng dụng công nghệ cao.

5. Y tế, dân số và gia đình: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ mục tiêu về y tế (bao gồm y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, cấp cứu, phục hồi chức năng; y học cổ truyền; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; dân số, gia đình, sức khỏe sinh sản, vệ sinh an toàn thực phẩm.

6. Văn hóa, thông tin: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau:

a) Văn hóa: Bảo vệ, bảo tồn giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, văn hóa dân tộc; phát triển văn học nghệ thuật, thư viện, bảo tàng, văn hóa cơ sở, các loại hình nghệ thuật biểu diễn; phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, các công trình văn hóa;

b) Thông tin: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động xuất bản, báo chí của tỉnh.

7. Phát thanh, truyền hình: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu phát thanh, truyền hình nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ xã hội và công ích thiết yếu.

8. Thể dục, thể thao: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu phát triển thể dục, thể thao;

9. Bảo vệ môi trường: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau:

a) Môi trường: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị quan trắc, cảnh báo môi trường, bảo vệ tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải, nước thải, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững;

b) Tài nguyên: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị đo đạc bản đồ, khí tượng thủy văn, thăm dò địa chất, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

10. Các hoạt động kinh tế: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau:

a) Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản; kinh tế nông thôn (bao gồm xây dựng nông thôn mới, cung cấp nước sạch và bảo đảm vệ sinh môi trường nông thôn, phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn gắn với hộ gia đình và hợp tác xã, bố trí, sắp xếp lại dân cư nông thôn, định canh, định cư, ổn định di dân tự do và tái định cư); phát triển giống cây trồng, vật nuôi; trồng, bảo vệ và phát triển rừng; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, cháy rừng, dịch bệnh;

- b) Công nghiệp: cấp điện nông thôn, miền núi;
- c) Giao thông: kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa;
- d) Khu công nghiệp và khu kinh tế: hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp;
- đ) Thương mại: chợ dân sinh, chợ đầu mối, trung tâm logistic, trung tâm hội chợ triển lãm, kết cấu hạ tầng xuất khẩu, nhập khẩu;
- e) Cấp nước, thoát nước;
- g) Kho tàng: cơ sở vật chất lưu trữ hồ sơ, tài liệu, kho lưu trữ chuyên dụng, kho vật chứng;
- h) Du lịch: cơ sở hạ tầng nhằm phát triển du lịch bền vững tại các khu, điểm, địa bàn du lịch;
- i) Công nghệ thông tin: hạ tầng thông tin số, kinh tế số; hiện đại hóa công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng và Nhà nước; ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu; an toàn, an ninh mạng;
- k) Quy hoạch: các nhiệm vụ quy hoạch;
- l) Công trình công cộng tại các đô thị;
- m) Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã.

11. Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ mục tiêu xây dựng, cải tạo, nâng cấp trụ sở, nhà công vụ, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị, nhà nước.

12. Xã hội: các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị của các cơ sở điều dưỡng, phục hồi chức năng, nuôi dưỡng người có công; hỗ trợ việc làm; chăm sóc, điều dưỡng sức khỏe người lao động; xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình ghi công liệt sỹ; cơ sở cai nghiện và trợ giúp xã hội khác;

13. Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật: Hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng, chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh, các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc đối tượng đầu tư công chưa phân loại được vào 12 ngành, lĩnh vực nêu trên.

Điều 3. Nguyên tắc chung và thứ tự ưu tiên bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025

1. Việc phân bổ vốn đầu tư công ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Việc phân bổ vốn đầu tư công ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 phải đảm bảo các mục tiêu, định hướng phát triển của tỉnh tại Kế hoạch

phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, các quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững, hài hòa giữa kinh tế và xã hội.

3. Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025. Đẩy mạnh cơ cấu lại đầu tư công; tăng cường huy động các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước, nguồn lực xã hội để thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng.

4. Phân bổ vốn đầu tư tập trung; không phân tán, dàn trải; bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Chỉ giao kế hoạch vốn đối với các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan. Các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, các dự án mới phải bảo đảm thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A không quá 06 năm, nhóm B không quá 04 năm, nhóm C không quá 03 năm. Trường hợp không đáp ứng thời hạn trên, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án.

5. Tập trung ưu tiên bố trí vốn để thực hiện, đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành và phát huy hiệu quả các dự án quan trọng, cấp bách của tỉnh, chương trình, dự án kết nối, có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu (sạt lở bờ sông, phòng chống lũ lụt, sạt lở đất, hạn hán...), bảo đảm an ninh nguồn nước.

6. Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

7. Thứ tự ưu tiên bố trí vốn như sau:

7.1. Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án thuộc danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025.

7.2. Số vốn còn lại bố trí cho các dự án mới thuộc các ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 2 của Quy định này với thứ tự ưu tiên như sau:

a) Phân bổ đủ vốn để thanh toán dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 4 Điều 101 của Luật Đầu tư công (nếu có);

b) Phân bổ đủ vốn để hoàn trả hết số vốn ứng trước kế hoạch (nếu còn);

c) Phân bổ vốn cho dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; vốn cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (bao gồm cả vốn đối ứng); vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư; dự án chuyển tiếp theo tiến độ được phê duyệt; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch;

d) Phân bổ vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch;

đ) Vốn chuẩn bị đầu tư để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án;

e) Phân bổ vốn cho dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều 51 của Luật Đầu tư công.

Điều 4. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh theo tiêu chí, định mức

1. Kế hoạch vốn đầu tư công trong cân đối ngân sách tỉnh theo tiêu chí định mức (không bao gồm số thu sử dụng đất, xổ số kiến thiết, bội chi ngân sách địa phương) được định hướng tính trên tốc độ tăng bình quân chung từ 5% - 6% của năm trước. Riêng năm 2021 thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Nguyên tắc bố trí vốn: Thực hiện theo các nội dung quy định tại Điều 51 của Luật Đầu tư công, các quy định tại Điều 3 của quy định này về nguyên tắc chung, thứ tự ưu tiên bố trí vốn và các nguyên tắc cụ thể sau:

a) Bảo đảm tương quan hợp lý về cơ cấu phân bổ vốn đầu tư giữa các ngành, lĩnh vực và các địa phương; giữa vốn bổ sung có mục tiêu cho cấp huyện và vốn để thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án cụ thể do tỉnh quản lý.

b) Kế hoạch vốn đầu tư công trong cân đối ngân sách tỉnh do tỉnh quản lý được bố trí cho nhiệm vụ, chương trình, dự án do các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện được giao làm chủ đầu tư theo các ngành, lĩnh vực tại Điều 2 quy định này.

3. Định mức, cơ cấu phân bổ vốn:

a) Kế hoạch vốn đầu tư công trong cân đối ngân sách tỉnh theo tiêu chí định mức được bố trí cho các dự án do tỉnh quản lý và các dự án do cấp huyện quản lý có quy mô lớn từ nhóm B trở lên và một số dự án quan trọng, cấp bách khác theo đề xuất của UBND cấp huyện do tỉnh quyết định đầu tư (có bao gồm các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn trước sang). Dự án được bố trí vốn là các dự án quan trọng, cấp bách của tỉnh; các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội nhanh, bền vững, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, nhiệm vụ quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, quy hoạch sử dụng đất của tỉnh và các nhiệm vụ, chính sách khác sử dụng vốn đầu tư công nguồn vốn ngân sách tỉnh theo quy định của pháp luật.

b) Cơ cấu bố trí vốn:

- Dành 30% kế hoạch vốn đầu tư công trong cân đối theo tiêu chí định mức để bổ sung có mục tiêu cho cấp huyện và được phân bổ theo các ngành, lĩnh vực tại Điều 2 quy định này.

- Mức vốn còn lại được phân bổ cho các nhiệm vụ, chương trình dự án cụ thể được sắp xếp theo các ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 2 quy định này.

Điều 5. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất

1. Nguồn thu tiền sử dụng đất được phân chia theo tỉ lệ % cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã do Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Đối với phần thu tiền sử dụng đất do ngân sách tỉnh trực tiếp điều tiết:

- Bố trí cho các dự án do tỉnh quản lý và các dự án do cấp huyện quản lý có quy mô lớn từ nhóm B trở lên và một số dự án quan trọng, cấp bách khác theo đề xuất của UBND cấp huyện do tỉnh quyết định đầu tư (có bao gồm các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn trước sang).

- Ưu tiên bố trí vốn cho công tác quy hoạch, đo đạc bản đồ địa chính, quỹ phát triển đất, công tác giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch, các công trình hạ tầng kỹ thuật xã hội, hạ tầng du lịch, hạ tầng khu, cụm công nghiệp.

Điều 6. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết

1. Thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành trung ương về việc phân bổ và sử dụng nguồn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết và các văn bản quy định hiện hành.

2. Bố trí cho các dự án do tỉnh quản lý và các dự án do cấp huyện quản lý có quy mô lớn từ nhóm B trở lên và một số dự án quan trọng, cấp bách khác theo đề xuất của UBND cấp huyện do tỉnh quyết định đầu tư (có bao gồm các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn trước sang).

3. Ưu tiên bố trí đầu tư lĩnh vực giáo dục- đào tạo, y tế, các chương trình theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các công trình phúc lợi xã hội khác theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Điều 7. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi (nếu có)

Việc phân bổ nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi hằng năm (nếu có) được thực hiện theo quy định tại Điều 59 của Luật ngân sách nhà nước năm 2015 và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 8. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho cấp huyện

1. Nguyên tắc phân bổ: Thực hiện theo các nội dung quy định tại Điều 3 của quy định này về nguyên tắc chung, thứ tự ưu tiên bố trí vốn và các nguyên tắc cụ thể sau:

a) Đảm bảo tương quan hợp lý giữa các vùng, vừa thúc đẩy phát triển đối với các vùng kinh tế trọng điểm vừa tạo điều kiện cho các vùng khó khăn để góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của nhân dân giữa các địa phương trên địa bàn tỉnh.

b) UBND cấp huyện chịu trách nhiệm bố trí vốn bổ sung có mục tiêu cho các chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực theo quy định tại Điều 2 quy định này và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển.

2. Tiêu chí và định mức phân bổ

a) Vốn hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện được phân bổ cho các dự án do cấp huyện quản lý thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được cấp có thẩm

quyền phê duyệt, trong đó ưu tiên bố trí cho các dự án chuyển tiếp nhóm C do cấp huyện quản lý. Trường hợp các công trình chuyển tiếp vượt số vốn được bổ sung có mục tiêu cho cấp huyện thì ngân sách tỉnh tiếp tục bố trí bổ sung cho các dự án chuyển tiếp do tỉnh quyết định đầu tư. UBND cấp huyện thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm đối với nguồn vốn này theo quy định tại Điều 62 của Luật Đầu tư công.

b) Các dự án được bố trí vốn là các dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của địa phương, đảm bảo đời sống, xã hội, sức khỏe của nhân dân, trật tự an toàn xã hội, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện. Đồng thời bố trí kế hoạch vốn cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo đảm bảo theo tỷ lệ quy định.

c) Vốn đầu tư công nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho cấp huyện được xác định trên cơ sở tính điểm theo các tiêu chí sau:

- Tiêu chí dân số: Số dân trung bình của các địa phương;
- Tiêu chí về trình độ phát triển: Tỷ lệ hộ nghèo, số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất; xổ số kiến thiết);
- Tiêu chí diện tích: Diện tích đất tự nhiên, tỷ lệ che phủ rừng của các địa phương;
- Tiêu chí về đơn vị hành chính: Số đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn
- Các tiêu chí bổ sung, bao gồm:
 - + Tiêu chí huyện có xã thuộc vùng căn cứ cách mạng ATK kháng chiến (ATK lịch sử);
 - + Tiêu chí huyện nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;
 - + Tiêu chí các huyện, thành phố nằm trong vùng động lực;

3. Xác định số điểm của từng tiêu chí cụ thể:

3.1. Tiêu chí dân số

Số dân trung bình	Điểm
Đến 50.000 người được tính	10
Từ 50.000, cứ tăng thêm 10.000 người được cộng thêm	1

Dân số trung bình của các địa phương được xác định căn cứ vào số liệu tại niên giám thống kê tỉnh Hòa Bình năm 2019

3.2 Điểm của tiêu chí về trình độ phát triển

a) Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo:

Tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
Cứ 1% hộ nghèo được tính	0,1

Tỷ lệ hộ nghèo để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu của Sở Lao động, Thương binh và xã hội năm 2019.

b) Điểm của tiêu chí số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết):

Số thu nội địa	Điểm
Các địa phương có số thu nội địa dưới 50 tỷ đồng được tính	3
Các địa phương có số thu nội địa trên 50-100 tỷ đồng được tính	2
Các địa phương có số thu nội địa trên 100 tỷ đồng được tính	1

Số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết) để tính toán điểm được xác định căn cứ vào dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2020 do HĐND tỉnh giao.

3.3 Tiêu chí diện tích

a) Điểm của tiêu chí diện tích đất tự nhiên

Diện tích đất tự nhiên	Điểm
Đến 300 km ² được tính	8
Từ 300 – 500 Km ² , cứ 100Km ² tăng thêm được tính	2
Trên 500 km ² , cứ 100 km ² tăng thêm được tính	1

Diện tích đất tự nhiên của các địa phương để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu tại Niên giám thống kê tỉnh Hòa Bình năm 2019.

b) Điểm của tiêu chí tỷ lệ che phủ rừng

Tỷ lệ che phủ rừng	Điểm
Các địa phương có tỷ lệ che phủ rừng trên 10% đến 50% được tính	1
Các địa phương có tỷ lệ che phủ rừng trên 50% được tính	2

Tỷ lệ che phủ rừng của các địa phương để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu tại Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 03/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về công bố hiện trạng rừng tỉnh Hòa Bình năm 2019.

3.4. Tiêu chí về đơn vị hành chính

Đơn vị hành chính cấp xã	Điểm
Mỗi xã, phường, thị trấn được tính	0,5

Số đơn vị hành chính cấp xã để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu tại Nghị quyết số 830/NQ-UBTVQH14 ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Hòa Bình.

3.5 Tiêu chí bổ sung

a) Điểm của tiêu chí huyện có xã thuộc vùng căn cứ cách mạng ATK kháng chiến (ATK lịch sử)

Xã thuộc vùng căn cứ cách mạng ATK kháng chiến (ATK lịch sử)	Điểm
01 xã được tính	0,1

Xã thuộc vùng căn cứ cách mạng ATK kháng chiến (ATK lịch sử) được xác định theo Quyết định số 745/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Điểm của tiêu chí huyện nghèo (*danh sách các huyện nghèo theo quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ*)

Huyện nghèo	Điểm
Mỗi huyện nghèo được tính	2

c) Điểm của tiêu chí vùng động lực

Vùng động lực	Điểm
Mỗi huyện, thành phố thuộc vùng động lực được tính	10

Huyện thuộc vùng động lực được xác định căn cứ vào Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2011 phê duyệt phương hướng, giải pháp chủ yếu phát triển vùng động lực tỉnh Hòa Bình đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 (*Riêng huyện Lạc Thủy được tính 50% số điểm nêu trên*).

4. Số vốn đầu tư công trong cân đối ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho mỗi huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$V_i = X_i \times Z$$

Trong đó:

- V_i là số vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho huyện, thành phố thứ i .

- X_i là số điểm của huyện, thành phố thứ i được xác định từ các tiêu chí định mức quy định tại khoản 3 Điều 8.

- Z là số vốn của 1 điểm và được tính bằng số vốn đầu tư công trong cân đối ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho cấp huyện (30% kế hoạch vốn đầu tư công trong cân đối theo tiêu chí định mức) chia cho tổng số điểm của 10 huyện, thành phố được tính theo các tiêu chí quy định tại khoản 3 Điều 8.

V. Quy định chuyển tiếp

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 13 của Nghị quyết số 973/2020/NQ-UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Các dự án do cấp huyện quản lý đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh và được bố trí vốn hằng năm để thực hiện; tuy nhiên chưa hoàn thành, còn thiếu vốn, cần chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025 thì UBND cấp huyện trên cơ sở điểm a khoản 2 Điều 8 rà soát, cân đối bố trí vốn để tiếp tục thực hiện dự án từ nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho cấp huyện (không bao gồm các dự án nhóm B)✓



Bùi Đức Hình